kàn bu dào

看不到

verb phrase (resultative complement) · cannot see

Example Sentences

wù tài dà wǒ shén me dōu kàn bu dào
雾太大，我什么都看不到。

The fog is too thick; I can't see anything.

tā zhàn zài hòu miàn kàn bu dào hēi bǎn shàng de zì
他站在后面，看不到黑板上的字。

He stood in the back and couldn't see the words on the blackboard.

Trace each character, then write the word on your own.